

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/LĐ-PT
Ngày: 22-6-2020
V/v: Kiện quyết định xử lý
kỷ luật theo hình thức sa thải.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nghị – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 02/2020/TLPT-LĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “*Kiện Quyết định xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 113/2020/QĐ-PT ngày 04/5/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 37/2020/QĐ-PT ngày 19/5/2020; Thông báo số: 409/TB-PT ngày 02/6/2020 về việc hoãn phiên tòa và dời thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án lao động, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Cao T, sinh năm: 1972. Cư trú tại: Số 135 đường Nguyễn Công Trứ, Phường X, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Trường trung học phổ thông bán công Nguyễn Du (nay là Trường Trung học cơ sở Nguyễn Du Đà Lạt).

Địa chỉ: Số 7 đường Bùi Thị Xuân, Phường X, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1976 - Chức vụ: Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Nguyễn Du Đà Lạt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt

Trụ sở: Số 02 đường Trần Nhân Tông, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Thiện S - Chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức M - Chức vụ: Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Lạt. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 04/12/2017.

3.2. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng.

Trụ sở: Khu trung tâm hành chính, số 36 đường Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Hồng H - Chức vụ: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Đỗ T, sinh năm 1972 - Chức vụ: Phó trưởng Phòng tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 15/5/2020.

3.3. Trường trung học phổ thông Bùi Thị Xuân.

Trụ sở: Số 242 đường Bùi Thị Xuân, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu H - Chức vụ: Hiệu trưởng.

Người kháng cáo, kháng nghị:

- Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt – Bị đơn;
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - Kháng nghị.

(Ông Lê Cao T, ông Nguyễn Văn A và ông Hà Đỗ T có mặt tại phiên tòa; Các đương sự còn lại có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn ông Lê Cao T trình bày:

Ông là giáo viên dạy môn Giáo dục công dân và môn Văn tại Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt. Ngày 12/12/2006 ông bị học sinh Nguyễn Hoàng Minh Trí chửi vô cớ, trong lúc nóng giận không kiềm chế được bản thân ông đã tát học sinh này chảy máu cam. Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt đã họp Hội đồng kỷ luật và ra quyết định số 03/QĐ-KL ngày 06/02/2007 kỷ luật sa thải đối với ông. Không đồng ý với quyết định nêu trên nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy quyết định số 03/QĐKL ngày 06/02/2007 của Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt về việc kỷ luật sa thải đối với ông; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng nhận ông trở lại trường và dạy học (môn Giáo dục công dân và môn Văn - Tiếng Việt)

tại trường THPT Bùi Thị Xuân, Đà Lạt; Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan công khai xin lỗi ông theo quy định; Yêu cầu bồi thường tiền lương, tiền trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, đúng, đủ, kịp thời đối với mọi thiệt hại (về vật chất, tinh thần) và đồng thời khôi phục tiền bảo hiểm cho ông theo quy định của pháp luật với mức ước tính là 10 tỷ đồng Việt Nam cụ thể:

Tiền lương, phụ cấp (bằng 35% đứng lớp), trợ cấp, thưởng... kể từ ngày bị sa thải đến ngày bản án (mới) có hiệu lực pháp luật (tạm tính): $6.000.000đ \times 12 \text{ tháng} \times 12 \text{ năm} = 864.000.000 \text{ đồng}$;

Tiền bị giảm sút so với thu nhập thực tế tại thời điểm bị sa thải đến đến ngày Tòa xét xử vụ án là $6.000.000đ \times 144 \text{ tháng} = 864.000.000 \text{ đồng}$;

Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từ ngày bị sa thải đến ngày bản án (mới) có hiệu lực pháp luật.

Tiền tổn thất tinh thần (do việc sa thải trái pháp luật trên đã kéo theo việc bị danh dự, nhân phẩm bị xúc phạm): $1.300.000đ\text{đồng/tháng} \times 60 \text{ tháng lương} = 78.000.000 \text{ đồng}$;

Toàn bộ các khoản chi phí cho việc khởi kiện: Tiền thuê luật sư, tiền tàu xe, tiền giấy mực khiếu nại khởi kiện, tiền ăn ở đi lại trong suốt thời gian thực hiện việc đòi giải quyết quyền lợi: 1.000.000.001 đồng;

Tiền thuê nhà để ở trong suốt thời gian bị sa thải, mất chỗ ở: $2.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 12 \text{ năm} = 288.000.000 \text{ đồng}$;

Tiền bồi thường do nhân phẩm bị xúc phạm, xâm hại do việc sa thải gây ra: $1.300.000 \text{ đồng/tháng} \times 10 \text{ tháng lương} = 13.000.000 \text{ đồng}$;

Tiền tổn thất tinh thần: 1.000.000.001 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ngày 06/08/2010 Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành quyết định số: 1760/QĐ-UB về việc tách khỏi học sinh THCS ra khỏi Trường Bùi Thị Xuân, Đà Lạt và tách khỏi THPT ra khỏi Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt. Ngày 10/08/2010 Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số: 2766/QĐ-UBND thành lập Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt trên cơ sở tiếp nhận toàn bộ cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, học sinh khối THCS của Trường THPT bán công Nguyễn Du. Nên ông yêu cầu Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt phải bồi thường cho ông số tiền trên và nhận ông trở lại làm việc.

Ý kiến của đại diện Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt:

Thực hiện Quyết định số: 1760/QĐ-UB ngày 06/08/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc tách khỏi học sinh THCS ra khỏi Trường Bùi Thị Xuân và tách khỏi THPT ra khỏi Trường THPT bán công Nguyễn Du và Quyết định số: 2766/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt về việc thành lập Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt thì trường đã bàn giao tiếp nhận đội ngũ giáo viên, nhân viên, học sinh, nhưng trong việc bàn giao tiếp

nhận không có giáo viên Lê Cao Tánh. Theo cấp học thì ông Lê Cao T là giáo viên giảng dạy bộ môn Giáo dục công dân, Văn, hồ sơ vụ kiện sa thải cũng không được bàn giao. Như vậy, trên thực tế không còn Trường THPT bán công Nguyễn Du. Hơn nữa, theo công văn số: 4949/UBND-VX ngày 12/09/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã có ý kiến chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng cử đơn vị có trách nhiệm nhận giải quyết tham gia tố tụng tại phiên tòa trong vụ kiện của ông Lê Cao T. Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt mới thành lập, không thể là đơn vị kế thừa quyền và nghĩa vụ của Trường THPT bán công Nguyễn Du, nên Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt không đồng ý tham gia tố tụng. Tuy nhiên, theo Trường THCS Nguyễn Du thì theo hợp đồng số 56 ngày 30/12/2004 giữa ông Lê Cao T và Trường THPT bán Công N Đà Lạt, ông Lê Cao T là giáo viên THPT. Trong trường hợp ông Lê Cao T không bị kỷ luật mà vẫn còn tiếp tục giảng dạy tại Trường THCS & THPT Nguyễn Du Đà Lạt, đến thời điểm tách trường năm 2010 thì ông Lê Cao T sẽ được tiếp nhận vào Trường THPT Bùi Thị Xuân.

Ý kiến của người đại diện Trường THPT Bùi Thị Xuân, Đà Lạt:

Trường THPT Bùi Thị Xuân, Đà Lạt không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến Quyết định sa thải số: 03/QĐ-KL, ngày 06/02/2007 của Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du. Thời điểm này hai trường là hai đơn vị hành chính sự nghiệp khác nhau, không có trách nhiệm liên quan đối với nhau, trực thuộc sự quản lý của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng. Thực hiện Quyết định số: 1760/QĐ-UB ngày 06/08/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc chia tách trường, Trường Bùi Thị Xuân, Đà Lạt có tiếp nhận giáo viên khỏi THPT của Trường THPT bán công Nguyễn Du, trong đó không có tên ông Lê Cao T. Vì vậy, Trường THPT Bùi Thị Xuân không thể có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với một cá nhân chưa bao giờ là cán bộ, giáo viên, công nhân viên của Trường Bùi Thị Xuân, Đà Lạt.

Việc ký hợp đồng làm việc đối ông Lê Cao T là do Trường THCS & THPT bán công Nguyễn Du thực hiện. Việc sa thải ông Lê Cao T xảy ra tại Trường THCS & THPT bán công Nguyễn Du vào năm 2007, thời điểm này trường THPT Bùi Thị Xuân là đơn vị độc lập trong hệ thống giáo dục.

Ngày 06/8/2010 thực hiện quyết định: 1760/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc tách khỏi học sinh THCS ra khỏi Trường THPT Bùi Thị Xuân và tách khỏi học sinh THPT ra khỏi Trường THCS & THPT bán công Nguyễn Du. Như vậy, từ ngày này Trường THPT Bùi Thị Xuân chỉ có một cấp học là THPT. Trong danh sách giáo viên THPT từ Trường THCS & THPT bán công Nguyễn Du chuyển sang không có tên ông Lê Cao T.

Ý kiến của người đại diện Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng:

Ông Lê Cao T có tham gia giảng dạy tại Trường THPT bán công Nguyễn Du theo hợp đồng số 56 ngày 30/12/2004, loại hợp đồng không thời hạn theo Luật lao động, công việc là: Giáo viên. Khi Luật giáo dục được sửa đổi thì không còn tồn tại loại hình trường bán công, chỉ có loại hình trường công lập và

trường tư thực. Như vậy, Trường THPT bán công Nguyễn Du trên thực tế đã giải thể. Theo quyết định số: 1760/QĐ-UB ngày 06/08/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc tách khỏi học sinh THCS ra khỏi Trường Bùi Thị Xuân và tách khỏi THPT ra khỏi Trường THPT bán công Nguyễn Du thì đây là phương án để giải quyết số học sinh và giáo viên của Trường THPT bán công Nguyễn Du trong thời điểm đó. Số giáo viên hợp đồng của Trường THPT bán công Nguyễn Du được xem xét hợp đồng ngắn hạn tại hai trường (Trường THPT Bùi Thị Xuân, Trường THCS Nguyễn Du) trong thời gian trước khi tuyển dụng vào viên chức theo kế hoạch chung của ngành giáo dục. Do Trường THPT bán công Nguyễn Du không còn tồn tại, Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du đã chết nên đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt thì:

Ông Lê Cao T trước đây là giáo viên giảng dạy môn Giáo dục công dân và môn Văn tại Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng quản lý. Đối với việc khởi kiện của ông Lê Cao T thì Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt không liên quan vì: Ông Lê Cao T công tác và chấm dứt hợp đồng tại thời điểm tháng 02/2007, thời điểm này Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt vẫn trực thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng. Trường THCS Nguyễn Du được thành lập tháng 8/2010 như vậy vụ kiện trên không liên quan đến Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Lạt. Mặt khác, trong thời gian công tác tại Trường THPT bán công Nguyễn Du, ông Lê Cao T là giáo viên cấp 3 hưởng mã ngạch lương 15113 (mã ngạch của giáo viên THPT). Trường hợp nếu ông T không bị sa thải thì tại thời điểm chia tách theo Quyết định số: 1760/QĐ-UBND ngày 06/08/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì ông T sẽ được Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt thực hiện việc bàn giao giáo viên Lê Cao T sang Trường THPT Bùi Thị Xuân. Trường Bùi Thị Xuân có trách nhiệm tiếp nhận ông Lê Cao T.

Tại bản án Lao động sơ thẩm số: 03/2008/LĐ-ST ngày 28/04/2008 Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử: Không chấp nhận yêu cầu “*Kiên quyết định sa thải trái pháp luật*” của ông Lê Cao T đối với bị đơn là Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt. Không chấp nhận nội dung bản án sơ thẩm ông T đã kháng cáo. Tại Bản án Lao động phúc thẩm số: 01/2008/LĐ-PT ngày 16/09/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Cao T, giữ nguyên Bản án Lao động sơ thẩm số: 03/2008/LĐ-ST ngày 28/04/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Không đồng ý với quyết định của Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm ông Lê Cao T đã khiếu nại theo trình tự giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 05/2011/LĐ-GĐT ngày 27/09/2011 Tòa Lao động Tòa án nhân dân Tối cao đã tuyên hủy cả 02 bản án nói trên và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xét xử sơ thẩm lại.

Tại Bản án Lao động sơ thẩm số: 09/2013/LĐ-ST ngày 17/9/2013 Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử: Chấp nhận yêu cầu “*Kiến quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải*” của ông Lê Cao T đối với bị đơn là Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt.

Hủy Quyết định kỷ luật số: 03/QĐ-KL, ngày 06/02/2007 của hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt.

Buộc Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt) nhận ông Lê Cao T trở lại làm việc.

Buộc Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt) phải thanh toán cho ông Lê Cao T số tiền 232.847.000 đồng phải tiếp tục trả lương cho ông Lê Cao T theo mức lương 4.600.000 đồng/tháng tính từ ngày 18/7/2013 cho đến khi nhận ông T trở lại làm việc (mức lương này thi đôi khi mức lương tối thiểu thay đổi) và khôi phục lại mọi chế độ về bảo hiểm cho ông T theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận nội dung bản án sơ thẩm Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt và ông T đã kháng cáo. Tại Bản án Lao động phúc thẩm số: 01/2014/LĐ-PT ngày 10/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Cao T, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt, sửa án sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu “*Kiến quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải*” của ông Lê Cao T đối với bị đơn là Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt.

Không đồng ý với quyết định của Tòa án phúc thẩm ông Lê Cao T đã khiếu nại theo trình tự giám đốc thẩm và Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 04/2017/LĐ- GĐT ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh đã hủy bản án Lao động sơ thẩm số: 09/2013 ngày 17/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt và bản án Lao động phúc thẩm số: 01/2014/LĐ-PT ngày 10/01/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xét xử sơ thẩm lại.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng các đương sự không có mặt đầy đủ nên không tiến hành hòa giải được.

Tại Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cao T với Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt) về việc “*Kiến quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải*”.

1.1. Hủy Quyết định kỷ luật số: 03/QĐ-KL, ngày 06/02/2007 của Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt.

Buộc Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt) nhận ông Lê Cao T trở lại làm việc.

1.2. Buộc Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt) đăng tin xin lỗi công khai trên báo địa phương và báo Trung ương, Đài phát thanh và truyền hình Lâm Đồng trong 3 số liên tiếp.

1.3. Buộc Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt) phải thanh toán cho ông Lê Cao T số tiền 614.680.000 đồng (*Sáu trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*).

1.4. Buộc Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt) khôi phục mọi chế độ bảo hiểm cho ông Lê Cao T theo quy định, phải tiếp tục trả lương cho ông Lê Cao T theo mức lương 5.960.000 đồng/tháng, tính từ tháng 01/2020 cho đến khi nhận ông T trở lại làm việc (mức lương này thay đổi khi mức lương tối thiểu thay đổi).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cao T đối với các yêu cầu: Bồi thường tiền tổn thất tinh thần, tiền bị giảm sút so với thu nhập thực tế tại thời điểm bị sa thải đến đến ngày Tòa xét xử vụ án; Toàn bộ các khoản chi phí cho việc khởi kiện: Tiền thuê luật sư, tiền tàu xe, tiền giấy mực khiếu nại khởi kiện, tiền ăn ở đi lại trong suốt thời gian thực hiện việc đòi giải quyết quyền lợi; Tiền thuê nhà ở trong suốt thời gian bị sa thải, mất chỗ ở và tiền bồi thường do nhân phẩm bị xúc phạm, xâm hại do việc sa thải gây ra.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/02/2020, bị đơn Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt đại diện là ông Nguyễn Văn A kháng cáo toàn bộ bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Ngày 21/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định kháng nghị số: 04/QĐKNPT-VKS-LĐ, kháng nghị một phần Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần hủy Quyết định số: 03/QĐ-KL, ngày 06/02/2007 của Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du; Nhận ông Lê Cao T trở lại làm việc; Bồi thường tiền lương và công khai xin lỗi ông T trên báo, đài Trung ương và địa phương trong ba số liên tiếp mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt giữ nguyên kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng rút toàn bộ nội dung Quyết định kháng nghị số: 04/QĐKNPT-VKS-LĐ của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ

án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Cao T về việc yêu cầu tuyên hủy Quyết định số: 03/QĐ-KL, ngày 06/02/2007 của Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt; Bác các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn ông Lê Cao T vì Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt không phải là đơn vị kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số: 04/QĐKNPT-VKS-LĐ của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Kiến quyết định xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Cao T rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần, tiền bị giam giữ so với thu nhập thực tế tại thời điểm bị sa thải đến đến ngày Tòa xét xử vụ án; Toàn bộ các khoản chi phí cho việc khởi kiện: Tiền thuê luật sư, tiền tàu xe, tiền giấy mực khiếu nại khởi kiện, tiền ăn ở đi lại trong suốt thời gian thực hiện việc đòi giải quyết quyền lợi; Tiền thuê nhà để ở trong suốt thời gian bị sa thải, mất chỗ ở và tiền bồi thường do nhân phẩm bị xúc phạm, xâm hại do việc sa thải gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Nội dung này các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt:

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng rút toàn bộ nội dung Quyết định kháng nghị số: 04/QĐKNPT-VKS-LĐ của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt. Nên cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt:

[4.1] Xác định tư cách tham gia tố tụng: Ông Lê Cao T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số: 03/QĐ-KL, ngày 06/02/2007 của Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt và yêu cầu được nhận lại làm việc; Yêu cầu thanh toán tiền lương, khắc phục bảo hiểm và yêu cầu công khai xin lỗi. Ngày 25/10/2007 Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ thì thấy rằng tại thời điểm ông T khởi kiện Trường THPT Bán công Nguyễn Du chưa có quyết định tách, sáp nhập theo Quyết định số: 1760/QĐ-UB về việc tách khỏi học sinh THCS ra khỏi Trường Bùi Thị Xuân, Đà Lạt và tách khỏi THPT ra khỏi Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt. Xét đây là sự chuyển đổi hình thức tổ chức và loại hình đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục sửa đổi năm 2010, không thuộc trường hợp bị giải thể theo như trình bày của Sở Giáo dục và Đào tạo.

[4.2] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 95, 96 Bộ luật dân sự, điểm c khoản 2 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 2 của Quyết định số: 1760/QĐ-UB ngày 06/08/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng xác định Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt và xác định Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng, Trường THPT Bùi Thị Xuân là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ.

[5] Về thời hiệu, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động đối với ông Lê Cao T: Ngày 12/12/2006 ông Lê Cao T có hành vi tát học sinh Phạm Hoàng Minh Trí chảy máu cam là vi phạm kỷ luật lao động theo quy định tại điểm a Điều 33 Quyết định số: 23/2000/QĐ-BGDĐT, ngày 11/07/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường trung học, nên Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt đã thành lập Hội Đồng kỷ luật xử lý kỷ luật và họp xét kỷ luật đối với ông Lê Cao T. Ngày 23/12/2006 trường Nguyễn Du có tờ trình đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định hình thức kỷ luật đối với ông Lê Cao T. Ngày 27/12/2006 và ngày 05/01/2007 Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt kiện toàn hồ sơ xem xét kỷ luật đối với ông Lê Cao T theo quy định của Bộ luật lao động. Ngày 11/01/2007 Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du ban hành Quyết định số: 03/QĐ-KL về việc thành lập Hội đồng kỷ luật và ngày 12/01/2007 Hội đồng kỷ luật họp xét kỷ luật đối với ông Lê Cao T. Ngày 06/02/2007 Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt đã có Quyết định số: 03/QĐ-KL kỷ luật sa thải đối với ông Lê Cao T kể từ ngày 01/02/2007 là đúng quy định về thời hiệu xử lý vi phạm kỷ luật và đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục về xét kỷ luật lao động đối với ông T theo quy định tại Điều 86, Điều 87 Bộ luật lao động sửa đổi năm 2002, 2006.

[6] Về nội dung quyết định kỷ luật sa thải đối với ông Lê Cao T: Tại Điều 1 của Quyết định kỷ luật sa thải số: 03/QĐ-KL, ngày 06/02/2007 thể hiện: *“Thi hành kỷ luật sa thải giáo viên Lê Cao Tánh ở mức sa thải, lý do vi phạm về phẩm chất sư phạm của người thầy giáo: Trong quá trình xử lý học sinh vô lễ*

với giáo viên đã không kìm hãm được nóng nảy đánh học sinh gây chấn thương mũi; Việc làm phản tác dụng giáo dục này đã ảnh hưởng xấu đến uy tín nhà trường và ngành giáo dục, tạo dư luận không tốt trong xã hội”.

[6] Đối chiếu với quy định tại Điều 85 của Bộ Luật Lao động sửa đổi năm 2002, 2006 về áp dụng hình thức xử lý kỷ luật “Sa thải” thì các hành vi vi phạm của ông Lê Cao T không thuộc trường hợp được xử lý kỷ luật sa thải, cũng không thuộc trường hợp quy định khác tại nội quy, quy chế của nhà trường hoặc của ngành Giáo dục nên Quyết định số: 03/QĐ-KL, ngày 06/02/2007 của Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt là trái với quy định tại Điều 85 Bộ Luật Lao động. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cao T là có căn cứ chấp nhận.

[7] Căn cứ quy định tại Điều 94 Bộ Luật Lao động hủy Quyết định kỷ luật số: 03/QĐ-KL, ngày 06/02/2007 của Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt. Buộc Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt), nhận ông T trở lại làm việc và khôi phục mọi chế độ về bảo hiểm theo quy định và phải thanh toán cho ông Lê Cao T tiền lương theo hệ số lương 3,00, mã ngạch 15113 hệ số khu vực 0,1 và hệ số ưu đãi 0,9 kể từ tháng 01/2007 đến 12/2013, tổng cộng là: 614.680.000 đồng. Do ông T không kháng cáo nên cấp phúc thẩm chỉ xem xét đến thời điểm xét xử sơ thẩm (tháng 12/2019), cụ thể tính như sau:

Tiền lương từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2007: $(3,00 + 0,1 + 0,9) \times 450.000đ \times 12 = 21.600.000$ đồng;

Tiền lương từ tháng 01/2008 đến tháng 04/2009: $(3,00 + 0,1 + 0,9) \times 540.000đ \times 16$ tháng = 34.560.000 đồng;

Tiền lương từ tháng 05/2009 đến tháng 04/2010: $(3,00 + 0,1 + 0,9) \times 650.000đ \times 12$ tháng = 31.200.000 đồng;

Tiền lương từ tháng 05/2010 đến tháng 04/2011: $(3,00 + 0,1 + 0,9) \times 730.000đ \times 12$ tháng = 35.040.000 đồng;

Tiền lương từ tháng 05/2011 đến tháng 04/2012: $(3,00 + 0,1 + 0,9) \times 830.000đ \times 12$ tháng = 39.840.000 đồng;

Tiền lương từ tháng 05/2012 đến tháng 06/2013: $(3,00 + 0,1 + 0,9) \times 1.050.000đ \times 14$ tháng = 58.800.000đồng;

Tiền lương từ tháng 07/2013 đến 30/6/2016: $(3,00 + 0,1 + 0,9) \times 1.150.000đ \times 35$ tháng = 161.000.000 đồng;

Tiền lương từ tháng 5/2016 đến 30/6/2017: $(3,00 + 0,1 + 0,9) \times 1.210.000đ \times 14$ tháng = 67.760.000 đồng;

Tiền lương từ tháng 07/2017 đến tháng 6/2018: $(3,00 + 0,1 + 0,9) \times 1.300.000đ \times 12$ tháng = 62.400.000 đồng;

Tiền lương từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019: $(3,00 + 0,1 + 0,9) \times 1.390.000đ \times 12 \text{ tháng} = 66.720.000 \text{ đồng};$

Tiền lương từ tháng 07/2019 đến tháng 12/2019: $(3,00 + 0,1 + 0,9) \times 1.490.000đ \times 06 \text{ tháng} = 35.760.000 \text{ đồng}$ và phải tiếp tục trả lương cho ông T theo mức lương 5.960.000 đồng/tháng, tính từ tháng 01/2020 cho đến khi trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt nhận ông T trở lại làm việc (mức lương này thay đổi khi mức lương tối thiểu thay đổi).

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm ông T tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu đăng tin xin lỗi công khai trên báo địa phương và báo Trung ương, Đài phát thanh và truyền hình Lâm Đồng trong 3 số liên tiếp. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là hoàn toàn tự nguyện và được bị đơn đồng ý. Áp dụng khoản 3 Điều 298, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này là phù hợp.

[9] Từ những phân tích nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, nội dung của vụ án. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng rút toàn bộ nội dung Quyết định kháng nghị số: 04/QĐKNPT-VKS-LĐ của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận việc rút Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Cao T cần sửa Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt như đã phân tích ở trên.

[10] Về án phí: Tranh chấp giữa ông T với Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt là vụ án tranh chấp về lao động có giá ngạch. Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt phải chịu án phí lao động sơ thẩm tương ứng với yêu cầu khởi kiện của ông T được Tòa án chấp nhận là 614.680.000 đồng. Do vụ án thụ lý sơ thẩm lần đầu vào ngày 25/10/2007 nên căn cứ Nghị Định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí tòa án, thì cụ thể: $(\text{Từ trên } 100.000.000 \text{ đồng đến } 1.000.000.000 \text{ đồng} = 3.000.000 \text{ đồng} + 2\% \text{ của phần giá trị có tranh chấp vượt quá } 100.000.000 \text{ đồng}) = 3.000.000 \text{ đồng} + 514.680.000 \text{ đồng} \times 2\% = 10.293.000 \text{ đồng}$. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt phải chịu 13.293.600 đồng là chưa phù hợp nên cần sửa lại.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên buộc Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị Định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt.

Chấp nhận việc rút Quyết định kháng nghị số: 04/QĐKNPT-VKS-LĐ của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt.

Sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cao T đối với Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt) về việc *“Kiện quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức Sa thải”*.

1.1. Hủy quyết định kỷ luật số: 03/QĐ-KL, ngày 06/02/2007 của Hiệu trưởng Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt.

1.2. Buộc Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt) nhận ông Lê Cao T trở lại làm việc.

1.3. Buộc Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt) phải thanh toán cho ông Lê Cao T số tiền 614.680.000 đồng (*Sáu trăm mười bốn triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*).

1.4. Buộc Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt) khôi phục mọi chế độ bảo hiểm cho ông Lê Cao T theo quy định, phải tiếp tục trả lương cho ông Lê Cao T theo mức lương 5.960.000 đồng/tháng, tính từ tháng 01/2020 cho đến khi nhận ông T trở lại làm việc (mức lương này thay đổi khi mức lương tối thiểu thay đổi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cao T về việc yêu cầu: Buộc Trường THPT bán công Nguyễn Du, Đà Lạt (nay là Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt) đăng tin xin lỗi công khai trên báo địa phương và báo Trung ương, Đài phát thanh và truyền hình Lâm Đồng trong 3 số liên tiếp và bồi thường tiền tổn thất tinh thần, tiền bị giảm sút so với thu nhập thực tế tại thời điểm bị sa thải đến đến ngày Tòa xét xử vụ án; Toàn bộ các khoản chi phí cho việc khởi kiện: Tiền thuê luật sư, tiền tàu xe, tiền giấy mực khiếu nại khởi kiện, tiền ăn ở đi lại trong suốt thời gian thực hiện việc đòi giải quyết quyền lợi; Tiền thuê nhà ở trong suốt thời gian bị sa thải, mất chỗ ở và tiền bồi thường do nhân phẩm bị xúc phạm, xâm hại do việc sa thải gây ra.

3. Đình chỉ xét xử đối với Quyết định kháng nghị số: 04/QĐKNPT-VKS-LĐ của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt.

4. Về án phí:

Bị đơn Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt phải chịu 300.000 đồng án phí lao động phúc thẩm và 10.293.000 đồng án phí lao động sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0017186 ngày 14/02/2020 và số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0002930 ngày 07/10/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Trường THCS Nguyễn Du, Đà Lạt còn phải nộp số tiền 10.093.000 đồng (*mười triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Lê Cao T số tiền 50.000 đồng theo biên lai thu số 001195 ngày 14/5/2008 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Các đương sự (05);
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 22, Điều 38, Điều 41, Điều 42, Điều 44 và Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2012;
- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Trường.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Cao T về việc “*Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” đối với Trường

1.1. Tuyên bố Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 07/QĐ-HTX ngày 18/5/2019 của Hợp tác xã Taxi Đà Lạt là trái pháp luật.

1.2. Buộc Hợp tác xã Taxi Đà Lạt có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mai Trang tổng số tiền 176.603.356đ (*một trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm lẻ ba nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng*).

1.3. Hợp đồng lao động không thời hạn số 02/2015/HĐ-HĐLĐ ngày 01/10/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2015 và Hợp đồng lao động số 07/2019/HĐLĐ có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019, được ký kết giữa Hợp tác xã Taxi Đà Lạt và bà Nguyễn Thị Mai Trang chấm dứt kể từ ngày 28/02/2020.

2. Về án phí: Hợp tác xã Taxi Đà Lạt phải chịu 5.298.101đ án phí Lao động sơ thẩm và 300.000đ án phí lao động phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0016881 ngày 14/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Hợp tác xã Taxi Đà Lạt còn phải nộp số tiền 5.298.101đ (*năm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn một trăm lẻ một đồng*).

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

Bà Nguyễn Thị Mai Trang xác định bà là nhân viên hợp đồng của HTX Taxi, việc HTX Taxi Đà Lạt ban hành Quyết định số 07/QĐ-HTX ngày 18/5/2019, về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Trang là Phó Giám đốc điều hành vận tải – HTX Taxi Đà Lạt là trái với quy định của pháp luật. Bà Trang yêu cầu tuyên bố Quyết định đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động nêu trên là trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Còn bị đơn HTX Taxi không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trang nên giữa các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm a, khoản 1, Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết thuộc vụ án lao động theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai Trang, bị đơn HTX Taxi Đà Lạt và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt:

[2] Bà Trang là nhân viên của HTX Taxi từ ngày 02/9/1999 đến ngày 01/10/2015, HTX Taxi có ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 02/2015/HĐ-HĐLĐ ngày 01/10/2015 với bà Trang (bút lục 64) và ngày 01/01/2019 tiếp tục ký hợp Hợp đồng lao động số 07/2019/HĐLĐ, xác định thời hạn 01 năm tính từ ngày 01/01/2019 (bút lục 103). Theo đó, bà Trang được tuyển dụng vào vị trí Phó Giám đốc điều hành vận tải; mức lương cơ bản là 3.969.000đ; tiền thưởng, chế độ nâng lương, chế độ đào tạo sẽ tùy theo tình hình tài chính, tính chất công việc của HTX Taxi và hiệu quả làm việc của người lao động thì HTX Taxi sẽ quyết định cụ thể (bút lục 66).

[3] Đến ngày 18/5/2019, HTX Taxi ban hành Quyết định số 07/QĐ-HTX về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trang vì HTX Taxi cho rằng do thay đổi cơ cấu tổ chức hoạt động của Văn phòng HTX Taxi nên đã ra Quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động số 07/QĐ-HTX đối với bà Trang.

Theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012 thì:

“1. Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong những trường hợp sau đây:

a) Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

b) Người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 12 tháng liên tục đối với người làm theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, đã điều trị 06 tháng liên tục, đối với người lao động làm theo hợp đồng lao động xác định thời hạn và quá nửa thời hạn hợp đồng lao động đối với người làm theo hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục.

Khi sức khỏe của người lao động bình phục, thì người lao động được xem xét để tiếp tục giao kết hợp đồng lao động;

c) Do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật, mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc;

d) Người lao động không có mặt tại nơi làm việc sau thời hạn quy định tại Điều 33 của Bộ luật này.

2. Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước:

a) Ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

b) Ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn;

c) Ít nhất 03 ngày làm việc đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và đối với hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng”.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 44 Bộ luật Lao động năm 2012 thì:

“Trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ mà ảnh hưởng đến việc làm của nhiều người lao động, thì người sử dụng lao động có trách nhiệm xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động theo quy định tại Điều 46 của Bộ luật này; trường hợp có chỗ làm việc mới thì ưu tiên đào tạo lại người lao động để tiếp tục sử dụng.

Trong trường hợp người sử dụng lao động không thể giải quyết được việc làm mới mà phải cho người lao động thôi việc thì phải trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động theo quy định tại Điều 49 của Bộ luật này”.

Đối chiếu với quy định của pháp luật nêu trên thì việc HTX Taxi ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Trang là không đúng theo quy định tại Điều 38; Điều 44 của Bộ luật Lao động; Điều 13 Nghị định số 05/2015 ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động và Điều 7 Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTPXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Do đó,

Tòa án sơ thẩm đã tuyên HTX Taxi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà Trang trái pháp luật là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012 thì: Nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là *“Phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động”*. Việc HTX Taxi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên phải có trách nhiệm nhận bà Trang trở lại làm việc nhưng do bà Trang không có nhu cầu trở lại làm việc nên HTX Taxi không phải nhận bà Trang trở lại làm việc nhưng vẫn phải có trách nhiệm thanh toán tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản tiền bồi thường khác cho bà Trang theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc HTX Taxi phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trang các khoản tiền này là có căn cứ.

[5] Trong quá trình làm việc tại HTX Taxi bà Trang thừa nhận có ký rất nhiều hợp đồng lao động với HTX Taxi và bà Trang khởi kiện căn cứ vào Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 02/2015/HĐ-HĐLĐ ngày 01/10/2015, bà Trang là Phó giám đốc điều hành vận tải của HTX Taxi hưởng lương và phụ cấp là 11.000.000đ/tháng (bút lục 30). Còn bị đơn HTX Taxi xuất trình Hợp đồng lao động số 07/2019/HĐLĐ ngày 01/01/2019 xác định thời hạn là 12 tháng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 bà Trang là Phó giám đốc điều hành vận tải của HTX Taxi hưởng lương là 3.969.000đ/tháng.

Do bản hợp đồng lao động ký ngày 01/01/2019 mà bị đơn HTX Taxi cung cấp thì bản hợp đồng này đã thay thế hợp đồng số 02/2015/HĐ-HĐLĐ ngày 01/10/2015 và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 07 ngày 18/5/2019 cũng căn cứ theo Hợp đồng số 07/2019/HĐLĐ ngày 01/01/2019. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Hợp đồng số 07/2019/HĐLĐ ngày 01/01/2019 để làm căn cứ tính bồi thường cho bà Trang là phù hợp. Tuy nhiên, mức tiền phải thanh toán cho bà Trang đối với từng khoản thì Tòa án cấp sơ thẩm đã tính toán chưa chính xác nên cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể:

Theo trình bày của bà Trang và đại diện của HTX Taxi cũng thừa nhận: Mức lương cơ bản ghi trong Hợp đồng lao động số 07/2019/HĐLĐ là 3.969.000đ/tháng nhưng thực tế bà Trang nhận 15.000.000đ/tháng.

Theo Điều 3 của Hợp đồng lao động số 07/2019/HĐLĐ ngày 01/01/2019 được ký kết giữa HTX Taxi với bà Trang (bút lục 101-103) quy định:

- + Mức lương cơ bản: 3.969.000đ/tháng;
- + Tiền thưởng, chế độ nâng lương, chế độ đào tạo: Tùy theo tình hình tài chính, tính chất công việc của HTX Taxi và hiệu quả làm việc của người lao động, HTX Taxi quyết định cụ thể;

+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được hưởng theo quy định của pháp luật.

Đối chiếu với bản thanh toán tiền lương tháng 5/2019 do HTX Taxi cung cấp thì các khoản tiền mà bà Trang được hưởng hàng tháng, bao gồm: Lương cơ bản 3.969.000đ + trách nhiệm 3.500.000đ + thâm niên 2.400.000đ + hỗ trợ tiền ăn 730.000đ + hỗ trợ tiền xăng 2.400.000đ + phụ cấp điện thoại 2.000.000đ và các khoản giảm trừ BHXH 1.270.304đ. Số tiền thực lãnh hàng tháng của bà Trang là 15.000.000đ (bút lục 184).

Đối chiếu với các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương đối với người lao động được cụ thể như sau:

Theo Điều 4 của Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định:

“Mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP bao gồm:

1. Mức lương, ghi mức lương tính theo thời gian của công việc hoặc chức danh theo thang lương, bảng lương do người sử dụng lao động xây dựng theo quy định của pháp luật lao động mà hai bên đã thỏa thuận. Đối với người lao động hưởng lương theo sản phẩm hoặc lương khoán thì ghi mức lương tính theo thời gian để xác định đơn giá sản phẩm hoặc lương khoán.

2. Phụ cấp lương, ghi các khoản phụ cấp lương mà hai bên đã thỏa thuận, cụ thể:

a) Các khoản phụ cấp lương để bù đắp yếu tố về điều kiện lao động, tính chất phức tạp công việc, điều kiện sinh hoạt, mức độ thu hút lao động mà mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động chưa được tính đến hoặc tính chưa đầy đủ.

b) Các khoản phụ cấp lương gắn với quá trình làm việc và kết quả thực hiện công việc của người lao động.

3. Các khoản bổ sung khác, ghi các khoản bổ sung mà hai bên đã thỏa thuận, cụ thể:

a) Các khoản bổ sung xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động và trả thường xuyên trong mỗi kỳ trả lương.

b) Các khoản bổ sung không xác định được mức tiền cụ thể cùng với mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động, trả thường xuyên hoặc không thường xuyên trong mỗi kỳ trả lương gắn với quá trình làm việc, kết quả thực hiện công việc của người lao động.

Đối với các chế độ và phúc lợi khác, như tiền thưởng theo quy định tại Điều 103 của Bộ luật lao động, tiền thưởng sáng kiến; tiền ăn giữa ca; các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại, tiền nhà ở, tiền giữ trẻ, nuôi con nhỏ; hỗ

trợ khi người lao động có thân nhân bị chết, người lao động có người thân kết hôn, sinh nhật của người lao động, trợ cấp cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các khoản hỗ trợ, trợ cấp khác thì ghi thành mục riêng trong hợp đồng lao động theo Khoản 11 Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP”.

Theo quy định tại mục thứ 10 của Điều 1 Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động thì: *“Tiền lương làm căn cứ bồi thường khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Khoản 5 Điều 42 hoặc Khoản 2 Điều 43 của Bộ luật Lao động là tiền lương theo hợp đồng lao động tại thời điểm người sử dụng lao động hoặc người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.”*

Đối chiếu với quy định của pháp luật nêu trên thì trong Hợp đồng lao động số 07/2019/HĐLD giữa HTX Taxi và bà Trang không quy định *“Các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại...”* và Điều lệ HTX Taxi cũng không quy định về người lao động được hưởng các khoản tiền này. Mặc dù, hàng tháng bà Trang có nhận nhưng đó là khoản thu nhập ngoài lương ghi trong hợp đồng lao động và HTX Taxi trả theo thực tế hiệu quả hoạt động kinh doanh của HTX Taxi.

Do đó, số tiền hàng tháng của bà Trang về các khoản: Hỗ trợ tiền ăn 730.000đ + hỗ trợ tiền xăng 2.400.000đ + phụ cấp điện thoại 2.000.000đ là do tình hình thực tế hoạt động của HTX Taxi chi trả cho người lao động khi bà Trang đang làm việc tại HTX Taxi. Mặt khác, HTX Taxi không đồng ý bồi thường toàn bộ cho bà Trang. Tuy nhiên, do HTX Taxi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật nên HTX Taxi phải bồi thường cho bà Trang các khoản tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương, quy định cụ thể trong hợp đồng và quy định tại mục thứ 10 của Điều 1 Nghị định số 148/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động là có căn cứ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc HTX Taxi bồi thường tiền lương của 05 tháng bà Trang không được làm việc là: 15.000.000đ x 05 tháng = 75.000.000đ và trợ cấp thôi việc là 15 năm 06 tháng 26 ngày (làm tròn 16 năm), với mức lương 06 tháng liền kề của bà Trang trước khi thôi việc là 15.000.000đ/tháng x 16 năm : 2 = 120.000.000đ và 02 tháng tiền lương theo hợp đồng do HTX Taxi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 3.969.000đ x 02 tháng = 7.930.000đ là chưa chính xác, cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp.

Cụ thể: Bà Trang được hưởng lương cơ bản và phụ cấp theo lương quy định trong hợp đồng lao động gồm: Lương cơ bản 3.969.000đ + trách nhiệm 3.500.000đ + thâm niên 2.40000đ = 9.870.000đ/tháng.

Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 22 Bộ luật Lao động thì:

“1. Hợp đồng lao động phải được giao kết theo một trong các loại sau đây:

a) Hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng.

b) Hợp đồng lao động xác định thời hạn;

Hợp đồng lao động xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời gian từ đủ 12 tháng đến 36 tháng.

c) Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.

2. Khi hợp đồng lao động quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này hết hạn mà người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hết hạn, hai bên phải ký kết hợp đồng lao động mới; nếu không ký kết hợp đồng lao động mới thì hợp đồng đã giao kết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng đã giao kết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trở thành hợp đồng lao động xác định thời hạn với thời hạn là 24 tháng.

Trường hợp hai bên ký kết hợp đồng lao động mới là hợp đồng xác định thời hạn thì cũng chỉ được ký thêm 01 lần, sau đó nếu người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì phải ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn”.

Đối chiếu với Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 02/2015/HĐ-HĐLĐ ngày 01/10/2015 và Hợp đồng lao động số 07/2019/HĐLĐ ngày 01/01/2019 xác định thời hạn là 12 tháng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 thì có căn cứ xác định hợp đồng lao động giữa HTX Taxi và bà Trang là loại hợp đồng không xác định thời hạn.

Do HTX Taxi đã trả lương cho bà Trang đến hết tháng 5/2019 nên tiền lương cho những ngày bà Trang không làm việc được tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày xét xử phúc thẩm ngày 28/02/2020 là 08 tháng 28 ngày (làm tròn 09 tháng), chưa trừ khoản tiền bảo hiểm do người lao động phải đóng và phải trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo mức lương bình quân 06 tháng trước khi thôi việc cho bà Trang là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động, cụ thể:

- Tiền lương của 09 tháng không được làm việc: $9.870.000\text{đ}/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} = 88.830.000\text{đ}$.

- Tiền bồi thường ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng do HTX Taxi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là $3.969.000\text{đ} \times 02 \text{ tháng} = 7.938.000\text{đ}$. Số tiền này HTX Taxi đã thanh toán cho bà Trang theo phiếu chi

ngày 20/5/2019 (bút lục 96) được làm tròn số tiền thành 7.940.000đ và bà Trang cũng thừa nhận đã nhận đủ 7.940.000đ và không thắc mắc khiếu nại gì.

- Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế mà HTX Taxi phải trích nộp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và theo quy định tại Nghị định số 44/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/6/2017 được tính từ tháng 6/2019 đến hết tháng 02/2019 (09 tháng) theo mức tiền lương tham gia chế độ bảo hiểm của bà Trang là 3.777.100đ (bút lục 36), cụ thể: $3.777.100đ \times 21,5\% \times 09 \text{ tháng} = 7.308.689đ$.

Do hợp đồng lao động đã chấm dứt nên HTX Taxi có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho bà Trang theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Lao động nên được tính như sau:

Thời gian công tác thường xuyên của bà Trang từ ngày 02/9/1999 đến ngày xét xử phúc thẩm ngày 28/02/2020 là 20 năm 05 tháng 26 ngày, trừ đi thời gian bà Trang tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp là 04 năm 05 tháng (bút lục 66; 151). Như vậy, theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 48 của Bộ luật Lao động, thì thời gian làm việc thực tế của bà Trang tại HTX Taxi để tính trợ cấp thôi việc làm tròn 16 năm, với mức lương 06 tháng liền kề của bà Trang trước khi thôi việc là: Tháng 12/2018 hưởng lương là 11.000.000đ và từ tháng 01 đến tháng 05/2019 tính lương là 9.870.000đ/tháng. Như vậy, lương bình quân của bà Trang là 10.058.333đ. Cụ thể: $10.058.333đ/\text{tháng} \times 16 \text{ năm} : 2 = 80.466.667đ$.

Như vậy, tổng số tiền HTX Taxi phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trang do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật tính đến ngày xét xử phúc thẩm 28/02/2020 là $184.543.356đ (88.830.000đ + 7.938.000đ + 7.308.689đ + 80.466.667đ)$.

Do bà Trang đã nhận số tiền 7.940.000đ trợ cấp (bút lục 96), nên HTX Taxi còn phải bồi thường cho bà Trang số tiền $184.543.356đ - 7.940.000đ = 176.603.356đ$.

Với những nhận định trên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trang, không chấp nhận kháng cáo của HTX Taxi Đà Lạt.

[6] Về án phí: Tranh chấp giữa bà Trang với HTX Taxi là vụ án tranh chấp về lao động có giá ngạch, án phí 3%/số tiền tranh chấp. Theo đó HTX Taxi bồi thường cho bà Trang 176.603.356đ nên HTX Taxi phải chịu mức án phí lao động sơ thẩm là $(176.603.356đ \times 3\%) = 5.298.101đ$. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc HTX Taxi phải chịu 9.990.000đ là chưa phù hợp nên cần sửa lại. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt về phần án phí. Bà Trang không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên buộc Hợp tác xã Taxi Đà Lạt phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 22, Điều 38, Điều 41, Điều 42, Điều 44 và Điều 48 của Bộ luật Lao động năm 2012;
- Căn cứ Điều 9 của Luật Hợp tác xã năm 2012;
- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mai Trang.

Không chấp nhận kháng cáo của Hợp tác xã Taxi Đà Lạt.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai Trang về việc “*Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” đối với Hợp Tác xã Taxi Đà Lạt.

1.1. Tuyên bố Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 07/QĐ-HTX ngày 18/5/2019 của Hợp tác xã Taxi Đà Lạt là trái pháp luật.

1.2. Buộc Hợp tác xã Taxi Đà Lạt có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mai Trang tổng số tiền 176.603.356đ (*một trăm bảy mươi sáu triệu sáu trăm lẻ ba nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng*).

1.3. Hợp đồng lao động không thời hạn số 02/2015/HĐ-HĐLĐ ngày 01/10/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2015 và Hợp đồng lao động số 07/2019/HĐLĐ có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019, được ký kết giữa Hợp tác xã Taxi Đà Lạt và bà Nguyễn Thị Mai Trang chấm dứt kể từ ngày 28/02/2020.

2. Về án phí: Hợp tác xã Taxi Đà Lạt phải chịu 5.298.101đ án phí Lao động sơ thẩm và 300.000đ án phí lao động phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0016881 ngày 14/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Hợp tác xã Taxi Đà Lạt còn phải nộp số tiền 5.298.101đ (*năm triệu hai trăm chín mươi tám nghìn một trăm lẻ một đồng*).

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch

Bùi Hữu Nhân

Nguyễn Văn Thanh